



Ký bởi: BỘ QUỐC PHÒNG

Ngày ký: 23-12-2025

16:45:24 +07:00

BỘ QUỐC PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **6610** /QĐ-BQP

Hà Nội, ngày **23** tháng **12** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định sử dụng chung, khai thác tài sản công thuộc phạm vi
quản lý của Bộ Quốc phòng**

BỘ TRƯỞNG BỘ QUỐC PHÒNG

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 318/2017/TT-BQP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và hệ thống sổ, mẫu biểu theo dõi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Thông tư số 72/2024/TT-BQP ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định là tài sản chuyên dùng; chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng.

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài chính Bộ Quốc phòng tại Văn bản số: ~~1HH93~~/CTC-QLCS ngày ~~10~~... tháng ~~12~~ năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này điều chỉnh đối với:

a) Danh mục tài sản công sử dụng chung; thẩm quyền quyết định sử dụng chung tài sản công.

b) Danh mục tài sản công được khai thác; thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công; các nội dung cần tuân thủ trong khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng.

2. Quyết định này không điều chỉnh đối với:

a) Tài sản công là tài sản đặc biệt thuộc danh mục bí mật nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật và Bộ Quốc phòng về bảo vệ bí mật nhà nước.

b) Đất đai (bao gồm đất quốc phòng, đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế). Việc quản lý, sử dụng đất quốc phòng kết hợp với hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật khác có liên quan.

c) Nhà ở thuộc tài sản công. Việc quản lý, sử dụng, khai thác, xử lý nhà ở thuộc tài sản công được thực hiện theo quy định của pháp luật về nhà ở.

d) Việc quản lý, sử dụng, khai thác tài sản hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng vốn nhà nước được thực hiện theo pháp luật về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, pháp luật về sở hữu trí tuệ.

3. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công tại cơ quan Việt Nam ở nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định riêng của Chính phủ; các nội dung không quy định cụ thể tại quy định riêng của Chính phủ thì được thực hiện theo quy định về quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước (đối với cơ quan Việt Nam ở nước ngoài) tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ (sau đây viết gọn là *Nghị định số 186/2025/NĐ-CP*).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị (sau đây gọi chung là đơn vị), doanh nghiệp thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ được giao nhiệm vụ quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công theo quy định của pháp luật;

2. Các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công thuộc Bộ Quốc phòng.

Điều 3. Sử dụng chung tài sản công

Tài sản công tại đơn vị, doanh nghiệp và Ban Cơ yếu Chính phủ chưa sử dụng hết công suất, được cho các cơ quan, đơn vị khác thuộc Bộ Quốc phòng; đơn vị thuộc Bộ Công an, cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Mặt trận Tổ quốc Việt Nam sử dụng chung để phục vụ hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Việc sử dụng chung tài sản công phải bảo đảm bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.

1. Danh mục tài sản công sử dụng chung, gồm:

a) Hội trường.

b) Tài sản phục vụ công tác quản lý là ô tô, tàu, thuyền và các phương tiện vận tải khác theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư số 318/2017/TT-BQP ngày 31/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định danh mục tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý và hệ thống sổ, mẫu biểu theo dõi tài sản đặc biệt, tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý trong Bộ Quốc phòng.

2. Khi có phát sinh tài sản công cần thiết cho việc sử dụng chung chưa có trong danh mục tài sản công được sử dụng chung, đơn vị, doanh nghiệp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ báo cáo Bộ Quốc phòng để điều chỉnh, bổ sung danh mục tài sản cho phù hợp với thực tiễn.

3. Thẩm quyền quyết định sử dụng chung tài sản công

Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp thuộc cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng và Ban Cơ yếu Chính phủ được giao trách nhiệm quản lý (bao gồm cả hạch toán kế toán) và sử dụng tài sản công quy định tại khoản 1 Điều này quyết định việc cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác sử dụng chung tài sản công, gồm:

a) Thủ trưởng đơn vị từ cấp trung đoàn và tương đương trở lên;

b) Doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Bộ Quốc phòng quản lý;

c) Thủ trưởng đơn vị đầu mối trực thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ.

4. Việc sử dụng chung tài sản công được lập thành văn bản thỏa thuận. Nội dung chủ yếu của văn bản thỏa thuận bao gồm: Thông tin của bên có tài sản cho sử dụng chung, bên được sử dụng chung tài sản, phạm vi tài sản sử dụng chung, mục đích, thời hạn sử dụng chung, chi phí sử dụng chung, quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình sử dụng chung tài sản (*có mẫu biểu kèm theo*).

5. Đơn vị được sử dụng chung tài sản công có trách nhiệm:

a) Bảo đảm sử dụng đúng mục đích, công năng của tài sản, an ninh, kỹ thuật an toàn, đúng mục đích sử dụng theo quy định tại văn bản thỏa thuận quy định tại khoản 3 Điều này; không được chuyển giao quyền sử dụng chung tài sản cho cơ quan, tổ chức, đơn vị khác hoặc sử dụng vào mục đích khác.

b) Trả cho đơn vị có tài sản công cho sử dụng chung một khoản chi phí sử dụng chung để bù đắp chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến quản lý vận hành tài sản trong thời gian sử dụng chung, không bao gồm chi phí khấu hao (hao mòn) tài sản cố định.

5. Chi phí sử dụng chung tài sản được xác định trên cơ sở định mức tiêu hao, thời gian sử dụng chung tài sản.

a) Tiền chi trả chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan được sử dụng từ nguồn kinh phí được phép sử dụng của cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng chung tài sản và được hạch toán vào chi phí hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

b) Đơn vị có tài sản công cho sử dụng chung có trách nhiệm xuất phiếu thu tiền cho cơ quan, tổ chức, đơn vị được sử dụng chung tài sản. Khoản thu từ việc sử dụng chung tài sản công được sử dụng để bù đắp các chi phí cần thiết phục vụ duy trì hoạt động của tài sản sử dụng chung; phần còn lại (nếu có), đơn vị có tài sản công được sử dụng để bảo dưỡng, sửa chữa tài sản cho sử dụng chung hoặc sử dụng để chi cho hoạt động của đơn vị và được giảm chi ngân sách tương ứng theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

Điều 4. Khai thác tài sản công

1. Danh mục tài sản công được khai thác, gồm:

a) Quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền phần mềm ứng dụng.

b) Cơ sở dữ liệu.

c) Tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị (nhà ăn, căn tin; nhà/bãi để xe; vị trí lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động; vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông, trạm sạc điện phương tiện giao thông; vị trí lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền).

d) Kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc nhà làm việc; phần diện tích đơn vị được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng nhà làm việc theo quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng nhà làm việc.

đ) Tàu hút xén thối các loại.

e) Phòng thí nghiệm, thiết bị thí nghiệm và các máy móc, thiết bị, tài sản khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

f) Tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất doanh trại đơn vị; phòng truyền thống của đơn vị.

g) Tài sản phục vụ công tác quản lý quy định tại Điều 6 Thông tư số 318/2017/TT-BQP và Điều 4 Thông tư số 72/2024/TT-BQP ngày 18/10/2024 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định, hướng dẫn thực hiện chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định là tài sản chuyên dùng; chế độ báo cáo tài sản cố định là tài sản chuyên dùng, tài sản phục vụ công tác quản lý tại các đơn vị thuộc Bộ Quốc phòng và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp thuộc Bộ Quốc phòng được khai thác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Danh mục tài sản công được khai thác không trùng lặp với danh mục tài sản công dùng chung. Khi có phát sinh tài sản công chưa có trong danh mục tài sản công được khai thác quy định tại Điều 6 Thông tư số 318/2017/TT-BQP và khoản 2 Điều 4 Thông tư số 72/2024/TT-BQP, đơn vị, doanh nghiệp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng báo cáo Bộ Quốc phòng để điều chỉnh bổ sung danh mục tài sản cho phù hợp với thực tiễn.

3. Thẩm quyền quyết định khai thác tài sản công

Thủ trưởng đơn vị, doanh nghiệp đầu mối trực thuộc Bộ Quốc phòng quyết định khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý (trừ quy định tại khoản 12 Điều này).

4. Nguyên tắc khai thác tài sản công

- a) Tuân thủ sự lãnh đạo của cấp ủy đảng các cấp;
- b) Bảo đảm bí mật nhà nước trong lĩnh vực quốc phòng, cơ yếu và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị.
- c) Đúng danh mục tài sản công và đúng thẩm quyền theo quy định tại Quyết định này;
- d) Không vi phạm các điều cấm của Luật.
- đ) Bảo đảm tính công khai, minh bạch, an ninh, an toàn; tuân thủ các quy định tại quyết định này và quy định của các pháp luật có liên quan.
- e) Không làm thay đổi kết cấu, kiến trúc, nguyên trạng tài sản công (trừ trường hợp đầu tư thêm để nâng cao giá trị sử dụng của tài sản; phần giá trị tài sản đầu tư thêm tự động thuộc về đơn vị có tài sản công sau khi hết thời hạn khai thác); không làm mất quyền sử dụng đất của đơn vị, quyền sở hữu về tài sản công.

5. Việc khai thác tài sản quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tương ứng của pháp luật về sở hữu trí tuệ và pháp luật khác có liên quan.

6. Việc khai thác tài sản phục vụ hoạt động phụ trợ, hỗ trợ cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của đơn vị quy định tại điểm c khoản 1 Điều này nhằm phục vụ cho hoạt động của đơn vị và các nhu cầu thiết yếu của cán bộ, công chức của đơn vị và khách đến công tác. Việc khai thác được thực hiện theo quy định tại các khoản 3, 7 và 8 Điều này.

7. Hình thức khai thác

a) Đơn vị, doanh nghiệp và Ban Cơ yếu Chính phủ có tài sản công tự khai thác là nhà ăn, căn tin, nhà/bãi đỗ xe quy định tại điểm c để cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu của cán bộ, công chức của đơn vị và khách đến công tác và tài sản công quy định tại các điểm a, b, đ và g khoản 1 Điều này để tự khai thác thì thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

b) Cho tổ chức cá nhân khác thực hiện quyền khai thác nhà ăn, căn tin, nhà/bãi đỗ xe quy định tại điểm c để cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu của cán bộ, công chức của đơn vị và khách đến công tác và tài sản công quy định tại các điểm a, b, đ và g khoản 1 Điều này thì thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 5 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

c) Cho tổ chức, cá nhân khác sử dụng vị trí tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp để lắp đặt máy rút tiền tự động, máy bán hàng tự động, lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông, trạm sạc điện phương tiện giao thông, lắp đặt màn hình led, tấm pano phục vụ thông tin, tuyên truyền kết hợp quảng cáo theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

8. Trình tự, thủ tục khai thác

a) Trình tự, thủ tục khai thác tài sản công thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 7 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP và điểm b, c, d khoản này.

b) Về nội dung chủ yếu của Quyết định khai thác tài sản công, gồm:

- Tên đơn vị được khai thác tài sản;
- Danh mục tài sản khai thác (tên tài sản; số lượng; diện tích (đối với tài sản là nhà); nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; hình thức khai thác; thời hạn khai thác) (*có mẫu biểu kèm theo*);
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

c) Đơn vị, doanh nghiệp có tài sản công có trách nhiệm cấp phiếu thu tiền hoặc hóa đơn bán hàng cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật về hóa đơn, chứng từ.

d) Số tiền thu được từ khai thác tài sản công, sau khi trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc tổ chức khai thác tài sản công (chi phí xác định giá, chi phí tổ chức đấu giá, chi phí trong lựa chọn nhà thầu, chi phí điện, nước, xăng dầu, nhân công phục vụ và các chi phí khác có liên quan), thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước theo quy định của pháp luật (nếu có), phần còn lại đơn vị có tài sản công được giữ lại 50% để bổ sung nguồn chi thường xuyên hằng năm sử dụng cho công tác quản lý và các hoạt động khác được quy định cụ thể trong Quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị và được xác định là khoản thu hợp pháp khác của đơn vị; việc phân phối nguồn thu từ kết quả khai thác tài sản công thực hiện theo Quy chế của Bộ Quốc phòng về phân phối nguồn thu của các đơn vị trong Bộ Quốc phòng; 50% nộp ngân sách nhà nước tại Kho bạc nhà nước nơi đơn vị có tài sản công mở tài khoản. Đơn vị có tài sản công khai thác chịu trách nhiệm trong việc

quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác và xác định số tiền nộp ngân sách nhà nước.

9. Việc khai thác kho lưu trữ, kho bảo quản, phòng họp, phần diện tích sử dụng chung thuộc nhà làm việc, phần diện tích đơn vị được giao quản lý cao hơn so với tiêu chuẩn, định mức sử dụng nhà làm việc quy định tại điểm d khoản 1 Điều này được thực hiện theo khoản 8 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

10. Việc khai thác tài sản là phòng thí nghiệm, thiết bị thí nghiệm và các máy móc, thiết bị, tài sản khác phục vụ cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 9 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

11. Việc khai thác tài sản là di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử gắn với đất thuộc đất doanh trại doanh trại đơn vị, phòng truyền thống của đơn vị quy định tại điểm f khoản 1 Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP.

12. Việc khai thác tài sản công là các vị trí lắp đặt, xây dựng công trình viễn thông của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) tại doanh trại đơn vị, doanh nghiệp theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, danh mục quy định tại điểm c khoản 1 Điều này, hình thức khai thác quy định tại điểm c khoản 5 Điều 14 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP, quy định của pháp luật về đất đai và chỉ đạo của Bộ Quốc phòng tại Văn bản số 12679/BQP-TC ngày 13/11/2018 để thực hiện các nhiệm vụ quân sự, quốc phòng khi có tình huống.

Đơn vị có tài sản công có trách nhiệm cung cấp hồ sơ các vị trí lắp đặt, xây dựng công trình và thực hiện quy định về hóa đơn, chứng từ, quản lý số tiền thu được từ khai thác tài sản công quy định tại điểm c, điểm d khoản 8 Điều này; không phải thực hiện trình tự, thủ tục quy định tại điểm a và điểm b khoản 8 Điều này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Người có thẩm quyền quyết định việc sử dụng chung tài sản công tại Điều 3 và khai thác tài sản công tại Điều 4 Quyết định này có trách nhiệm tổ chức thực hiện theo đúng quy định tại Quyết định, quy định của pháp luật về Quản lý, sử dụng, khai thác tài sản công và các quy định khác có liên quan, bảo đảm công khai, minh bạch, an toàn; có trách nhiệm giải trình và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về quyết định của mình.

2. Cục trưởng Cục Tài chính, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Bộ Quốc phòng (qua Cục Tài chính) để tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng Bộ Quốc phòng xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Lãnh đạo Bộ Quốc phòng;
- Các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trực thuộc Bộ;
- Công TTĐT BQP (để đăng tải);
- Thanh tra/BQP, Kiểm toán/BQP;
- C41;
- Cục Pháp chế/BQP;
- Lưu: VT, THBĐ.



Thượng tướng Vũ Hải Sản

Mẫu số 01

(Kèm theo Quyết định số ~~66/10~~/QĐ-BQP ngày ~~15~~ tháng ~~12~~ năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN THỎA THUẬN **Về việc sử dụng chung tài sản công**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; (hoặc Thông tư số/TT-BQP... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ của);

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BQP ngày ... tháng ... năm.... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng chung tài sản công; khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị quyết (hoặc Kết luận) số ngày ... tháng ... năm... của(Đảng ủy cùng cấp) về việc khai thác tài sản công nămcủa ;

Căn cứ vào nhu cầu và sự thỏa thuận của hai bên

Hôm nay, ngày tháng năm

Chúng tôi gồm có:

Bên A (đơn vị có tài sản cho sử dụng chung - đơn vị được giao trách nhiệm theo dõi, hạch toán tài sản công; Người đại diện.....)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số TK....., mở tại ...

Bên B: (đơn vị được sử dụng chung tài sản công.... ; Người đại diện.....)

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số TK....., mở tại...

Cùng thống nhất ký kết Bản thỏa thuận với những điều, khoản sau:

Điều 1. Nội dung thỏa thuận

1.1. Tên tài sản công sử dụng chung...

1.2. Mục đích, thời hạn sử dụng chung...

1.3. Chi phí sử dụng chung...

1.4. Quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình sử dụng chung

1.5. Các nội dung khác (nếu có).

Điều 2. Điều khoản chung

2.1. Biên bản thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2.2. Biên bản thỏa thuận này được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau do mỗi bên giữ 01 bản. 

BÊN A

BÊN B

Mẫu số 02

(Kèm theo Quyết định số 6610/QĐ-BQP ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng)

TÊN CQ, ĐƠN VỊ, DN CẤP TRÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÊN CQ, ĐƠN VỊ, DN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-...., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc khai thác tài sản công

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 165/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 01/2020/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 01/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Quốc phòng, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ; (hoặc Thông tư số/TT-BQP... ngày ... tháng ... năm ... của ... quy định chức năng, nhiệm vụ của);

Căn cứ Quyết định số/QĐ-BQP ngày ...tháng ... năm.... của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quy định phân cấp thẩm quyền quyết định sử dụng chung tài sản công; khai thác tài sản công thuộc phạm vi quản lý của Bộ Quốc phòng;

Căn cứ Nghị quyết (hoặc Kết luận) số ngày ... tháng ... năm... của
.....(Đảng ủy cùng cấp) về việc khai thác tài sản công nămcủa ;

Theo đề nghị của tại Tờ trình số:ngày...tháng ... năm... của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt được khai thác tài sản côngcho cơ quan (hoặc đơn vị, doanh nghiệp) thực hiện với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên cơ quan (hoặc đơn vị, doanh nghiệp) được khai thác tài sản công.

2. Danh mục tài sản công được khai thác (tên tài sản).....; số lượng, diện tích (đối với tài sản là đất, nhà); nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; hình thức khai thác; thời hạn khai thác.....).

3. Hình thức thanh toán (Tiền mặt hoặc chuyển khoản); Thời gian thực hiện: Từ ngày .. tháng .. năm đến ngày .. tháng .. năm

4. Các nội dung khác (nếu có).

(Trường hợp Quyết định phê duyệt đối với nhiều cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện cần thể hiện đầy đủ các nội dung nêu trên đối với từng cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Hiệu lực thi hành và trách nhiệm thi hành:

Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Các cơ quan có liên quan;
- Lưu: VT, ..

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp)



Cấp bậc, họ và tên của người ký